

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-ST

Ngày: 05/8/2020

*“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự - Mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Thủ.
2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/7 và 05/8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2020/TLST-DS ngày 06/02/2020, về việc *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự - Mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106a/2020/QĐXXST-DS ngày 06/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 70a/2020/QĐST-DS ngày 25/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐST-DS ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn P, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Tây 2, xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Văn B, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đông Bốn, xã MT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đông Bốn, xã MT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn P trình bày:**

Trong năm 2016 và 2017, ông Trần Văn B có mua phân bón và thuốc sâu tại cửa hàng Thanh Phong 2, do cá nhân ông làm chủ, hộ kinh doanh chỉ có một mình ông. Việc ông B mua phân bón và thuốc trừ sâu để phục vụ trồng lúa, với tổng số tiền là 133.063.000 đồng, phía bị đơn đã trả được 1.063.000 đồng, còn nợ 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng), sau đó không trả nữa. Việc mua bán có lập thành sổ, trong đó một sổ cái do ông quản lý và một sổ tay do phía ông B quản lý. Việc mua bán không có hợp đồng bằng văn bản, chỉ ghi vào sổ hai bên quản lý. Hai bên thỏa thuận cuối mùa vụ sẽ thanh toán nợ. Nhưng từ khi thu hoạch đến nay phía vợ chồng ông B và bà H cứ hẹn nhiều lần không trả tiền cho ông. Lý do không trả nợ cho ông là vì vợ chồng ông B và bà H cho rằng phân bón và thuốc trừ sâu của ông kém chất lượng, phân giả.

Việc ông kinh doanh phân bón và thuốc trừ sâu được chính quyền cấp giấy chứng nhận kinh doanh hợp pháp. Hơn nửa cơ sở của ông kinh doanh rất lâu, phục vụ cho nhiều người, chứ không riêng gia đình ông B, bà H. Nên việc ông B cho rằng phân bón và thuốc trừ sâu kém chất lượng, giả là không đúng. Sau đó, ông có thưa ông B và bà H ra Ban nhân dân ấp Mỹ Đông Bốn, xã MT giải quyết. Đến khoảng tháng 7/2018 Ban nhân dân ấp Mỹ Đông Bốn hòa giải (thành phần có bà Nguyễn Ngọc U và Nguyễn Văn E), tại buổi hòa giải phía ông B, bà H có thừa nhận có mua và nợ ông số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật là 132.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến nay ông B và bà H vẫn không trả cho ông số tiền trên, mặc dù ông đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu phía ông B và bà H trả nợ nhưng ông B, bà H vẫn không thực hiện.

Theo Đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ngọc H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu (thuốc bảo vệ thực vật) là 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Tại phiên tòa, ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ngọc H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu (thuốc bảo vệ thực vật) là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn Trần Văn B và Huỳnh Thị Ngọc H đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông B, bà H không có văn bản ý kiến gì trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay.*

** Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án:*

- 1/ 01 (một) CMND của nguyên đơn (bản photo);
- 2/ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (photo);
- 3/ 01 (một) Xác nhận nơi cư trú của Công an xã MT ngày 06/9/2019 (bản chính);

4/ 01 (một) Quyết định đình chỉ số 390/2019/QĐST-DS ngày 31/10/2019 của Tòa án huyện Cao Lãnh (bản chính);

5/ 01 (một) Công văn ngày 20/8/2019 của tổ hòa giải ông Nguyễn Văn Em ký, có xác nhận của UBND xã ngày 21/8/2019 (bản chính);

6/ 01 (một) Bảng kê V/v ông B, bà H lấy phân và thuốc trừ sâu (bản chính);

7/ 01 (một) 01 phần của biên bản hòa giải ở cơ sở có chữ ký của Nguyễn Ngọc Út và Nguyễn Văn Em gồm 03 trang, không có thành phần hòa giải (bản photo);

8/ 01 (một) Xác nhận nơi cư trú của Công an xã MT ngày 24/3/2020 (bản chính);

9/ 01 (một) Bảng kê tiền thuốc là 101.260.000 đồng (bản photo);

10/ 01 (một) Đơn yêu cầu thu thập chứng cứ và lấy lời khai người làm chứng ngày 28/4/2020 tên Nguyễn Văn P (bản chính).

* *Tài liệu, chứng cứ phía bị đơn cung cấp*: Không có.

* *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập*:

1. Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn E ngày 01/6/2020 (bản chính);

2. Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Ngọc U ngày 01/6/2020 (bản chính).

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự đã thống nhất*: Không có.

* ***Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ngọc H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu (thuốc bảo vệ thực vật) là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) xuất phát từ việc mua bán phân bón và thuốc trừ sâu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự - Mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (gọi chung là Bộ luật Dân sự).

- Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ Đông Bốn, xã MT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán giữa các đương sự là không xác định thời hạn. Năm 2018, do phía vợ chồng ông B, bà H không trả tiền nên ông P có thưa ra Ban nhân dân ấp Mỹ Đông Bốn hòa giải không thành, sau đó ông P khởi kiện ra Tòa án. Do đó, xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy tại phiên tòa, ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Nay, ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ngọc H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu (thuốc bảo vệ thực vật) là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, ông Nguyễn Văn P là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh Phong 2, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và phân. Trong năm 2016 và 2017, ông P có bán phân và thuốc bảo vệ thực vật cho ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ngọc H, nhưng không có hợp đồng mua bán, chỉ xác lập trên thực tế, với số tiền là 133.063.000 đồng, phía bị đơn đã trả được 1.063.000 đồng, còn nợ 132.000.000 đồng. Tại trang 2,3,4 trong biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp Mỹ Đông Bốn, xã MT (những người hòa giải là bà Nguyễn Ngọc Út và ông Nguyễn Văn Em) và Công văn ngày 20/8/2019 của tổ hòa giải ông Nguyễn Văn Em ký, có xác nhận của UBND xã ngày 21/8/2019 thể hiện nội dung ông B thừa nhận có mua phân và thuốc của ông P, tuy nhiên ông B cho rằng phân thuốc giả nên không đồng ý trả tiền cho ông P. Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Ngọc Út và ông Nguyễn Văn Em cùng ngày 01/6/2020, bà Út, ông Em đều trình bày có hòa giải tranh chấp giữa ông P với ông B, bà H về nội dung ông B, bà H thừa nhận có mua phân và thuốc bảo vệ thực vật của ông P và có nợ ông P số tiền 132.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông B, bà H có mua phân, thuốc bảo vệ thực vật và còn nợ ông P số tiền 132.000.000 đồng là có thật. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông P chỉ yêu cầu vợ chồng ông B, bà H có trách nhiệm trả 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng và triệu tập ông B, bà H đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như tại phiên tòa hôm nay ông B, bà H vắng mặt không có lý do; đồng thời ông B, bà H cũng không có văn bản ý kiến trình bày phản đối yêu cầu

khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn thuộc trường hợp không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Đối với ý kiến của ông B, bà H tại Biên bản hòa giải của Ban nhân dân áp cho rằng việc ông P bán phân và thuốc bảo vệ thực vật cho ông B, bà H là phân và thuốc giả, gây thiệt hại cho ông B, bà H, điều này ông P không thừa nhận; đồng thời ông B, bà H cũng không chứng minh được là phân và thuốc bảo vệ thực vật mua của ông P là giả và cũng không chứng minh được thiệt hại, cũng như không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này. Do đó, lời trình bày này là không có cơ sở. Trường hợp sau này chứng minh được và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Việc ông B mua phân và thuốc bảo vệ thực vật là để phục vụ cho việc trồng lúa của gia đình nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà Huỳnh Thị Ngọc H phải có trách nhiệm cùng với ông Trần Văn B trả nợ cho ông P.

[2.5] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, việc không yêu cầu này là tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền mua bón phân và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 130.000.000 đồng.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 39, 92, 95, 147, 173, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn P.

Buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền mua bón phân và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 3.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BH/2018/0009554 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Tinh